

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đức
2. Bà Lê Thị Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Cảnh Khang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử công khai vụ án thụ lý số 953/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tr Th Th Tr, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Số 52, đường Ng Th H, Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số 16A/2, Khu phố 1B, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Tr Tr T, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: Số 3/39, đường Ng Th M Kh, Phường 2, thành phố Vinh, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ tạm trú: Số 16A/2, Khu phố 1B, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tr Th Th Tr trình bày:*

Bà Tr và ông T tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND Phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18; Quyền số 01/2007 ngày 27 tháng 02 năm 2007. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy

nhiên, từ năm 2015 đến nay vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông T không quan tâm vợ con và có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng sống chung nhà, nhưng không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau và cũng không có quan hệ sinh lý khoảng 01 năm nay. Do không còn thương yêu chồng và mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Tr Tr Tr T, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2006 và cháu Tr Tr Tr, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2011. Vợ chồng ly hôn bà Tr yêu cầu giao 02 con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr yêu cầu ông Tr Tr T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01con/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Tr Tr T trình bày:*

Ông thông nhất lời trình bày của bà Tr về quan hệ hôn nhân, con chung. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2015 đến nay vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Bà Tr cho rằng ông có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài là không đúng sự thật. Nhưng do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn với bà Trúc.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tr Tr Tr T, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2006 và cháu Tr Tr Tr, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2011. Vợ chồng ly hôn, ông T yêu cầu giao con chung tên Tr Tr Tr T cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T đồng ý giao cháu Tr Tr Tr cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Tr Tr Tr mỗi tháng 1.500.000 đồng. Ông T không yêu cầu bà Tr phải cấp dưỡng nuôi cháu T. Trường hợp, giao 02 con chung cho bà Tr nuôi dưỡng thì ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01con/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trúc yêu cầu ly hôn với ông Tuấn và được ông

Tuần chấp nhận. Xét việc thuận tình ly hôn của bà Tr, ông T là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Xét, bà Tr có đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tr khởi kiện ông T yêu cầu ly hôn, ông T hiện đang tạm trú tại: Số 16A/2, Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr Th Th Tr và ông Tr Tr T tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18; Quyển số 01/2007 ngày 27 tháng 02 năm 2007, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Tr xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T và được ông T chấp nhận. Xét việc thuận tình ly hôn của bà Tr, ông T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: Bà Tr, ông T thống nhất trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Tr Tr Tr T, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2006 và cháu Tr Tr Tr, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2011. Vợ chồng ly hôn, bà Tr yêu cầu giao 02 con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Nhưng ông T chỉ đồng ý giao cháu Tr cho bà Tr. Riêng cháu T, ông T yêu cầu giao cho ông trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ông T, bà Tr thống nhất được với nhau về việc giao con chung tên Tr Tr Tr cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là tự nguyện và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr muốn sống với mẹ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng cháu Tr Tr Tr T thì ông T, bà Tr đều dành quyền nuôi con. Tuy nhiên, quá trình tố tụng cháu T có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Mặt khác, cháu Tr và cháu T sống với nhau từ nhỏ, nếu giao cháu T cho ông T nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của 02 cháu; bà Tr có việc làm, thu nhập ổn định nên đảm bảo việc nuôi con. Do đó, bà Tr yêu cầu giao cháu T cho bà trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01con/tháng. Tuy nhiên, không được ông T chấp nhận.

Xét thấy, do ông T không trực tiếp nuôi con nên ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Do ông T không chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà Tr nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con chung; mức sống tại địa phương hiện nay và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng thì ông T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01con/tháng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tr Th Th Tr với bị đơn ông Tr Tr T về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Tr Th Th Tr và ông Tr Tr T về việc thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Tr Tr Tr T, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2006 và cháu Tr Tr Tr, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2011 cho bà Tr Th Th Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tr Tr T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/01con/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Tr Th Th Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0035657 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ông Tr Tr T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND Phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Bạch Tuyết**

